TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2390/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18/10/2017
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Vũ Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mã Văn Trọng**

2. Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Ngọc Yến**– Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Hồng Nga** - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 27 tháng 9 năm 2017 và ngày 18 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1105/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 441/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 341/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T, s**inh năm: 1987
Địa chỉ: đường T, phường H, quận Bình Thạnh, TP.HCM.
(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Đình M, s**inh năm: 1977
Địa chỉ: đường T, phường H, quận Bình Thạnh, TP.HCM.
(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Đình M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên vào năm 2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60,

quyển số 01/2012, ngày 11/12/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Ông M thường xuyên bỏ bê gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà đã cố gắng tạo cơ hội để ông M sửa chữa nhưng ông M không hề thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy không thể kéo dài cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn đôi bên không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông M có một con chung tên là Nguyễn Hoàng A sinh ngày 20/11/2013. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Phía bị đơn là ông Nguyễn Đình M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn tống đạt và niêm yết Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn.

Về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng qui định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hình thức, thẩm quyền giải quyết:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đình M là tranh chấp về "Ly hôn". Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; hiện ông M cư trú tại đường T, phường H,

quận Bình Thạnh, TP.HCM nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Về phần thủ tục: Nguyên đơn có đơn yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

***2. Về nội dung*:**

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa hôm nay do tất cả những người tham gia tố tụng vắng mặt nên căn cứ khoản 3, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/2012 do xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 11/12/2012 thể hiện hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đình M là hôn nhân hợp pháp. Bà T yêu cầu ly hôn là do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đôi bên có nhiều bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông M không quan tâm chăm sóc gia đình vợ con.

Hội đồng xét xử xét: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì tòa án quyết định cho ly hôn…; Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ giữa bà T và ông M nhưng không thành. Sau đó, Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập làm việc, thông báo Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông M, nhưng ông M đều vắng mặt không lý do, điều này thể hiện ông M không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân. Ngoài ra, ngày 03 tháng 8 năm 2017 Ủy ban nhân dân phường 27, quận Bình Thạnh có trả lời kết quả theo Công văn xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thì: "Hiện tại, bà T và ông Nguyễn Đình M không còn sống chung với nhau….". Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà T là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông M có một con chung tên là Nguyễn Hoàng A sinh ngày 20/11/2013. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Ông M vắng mặt nên không có ý kiến hay yêu cầu gì. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện của bà T và không vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, 54, 56, 57, 58, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

M xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Đình M.

2. Về con chung: giao cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Nguyễn Hoàng A sinh ngày 20/11/2013. Bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Ông M được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0002114 ngày 01/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ Toạ phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM
- VKSND Q.BT
- Chi cục THA DS Q.BT
- Đương sự
- Lưu

Hoàng Vũ Nam